

Số: 1128/BVM-HCQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm

Cung cấp in ấn phẩm chuyên môn cho Bệnh viện Mắt năm 2026-2027

Kính gửi: Các Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh quan tâm.

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận chào giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán gói thầu Cung cấp in ấn phẩm chuyên môn cho Bệnh viện Mắt năm 2026-2027 với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Mắt.
- Mã số thuế: 0301483745
- Địa chỉ: Số 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 39 325 364.
- Cách thức tiếp nhận tài liệu chào giá: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Bộ phận tiếp nhận văn thư đến - Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt - Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì báo giá ghi rõ:

Tiêu đề: “Chào giá gói thầu Cung cấp in ấn phẩm chuyên môn cho Bệnh viện Mắt năm 2026-2027 theo công văn số [điền số công văn]/BVM-HCQT ngày [điền số ngày/tháng/năm của công văn]”

Nơi nhận: Bộ phận tiếp nhận văn thư đến - Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thời hạn tiếp nhận tài liệu chào giá: Từ ngày phát hành đến trước 10 giờ 00 phút ngày 27 tháng 7 năm 2026.

7. Thời hạn có hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá

Bảng khối lượng hàng hóa và mô tả sản phẩm: theo phụ lục đính kèm.

Lưu ý:

- Báo giá phải có ký tên đóng dấu xác thực của Quý Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh. Quý Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh gửi bảng báo giá đề xuất và giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực hoạt động thuộc lĩnh vực bắt buộc phải có chứng chỉ hoạt động theo quy định.

- Đối với các yêu cầu mời chào giá hàng hóa có yêu cầu về tính năng kỹ thuật, cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp tài liệu/ hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

- Trong tài liệu của Quý Doanh nghiệp, nhà cung cấp, hộ kinh doanh khi chào giá gói thầu mua sắm hàng hóa vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, KHÔNG thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (BTTT,3b)

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ



Lại Phước Thanh Huy

(Tên Công ty)

CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm/gói thầu ...

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu mời chào giá của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho gói thầu/nhu cầu mua sắm ... như sau:

1. Danh mục:

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá + VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Tính năng kỹ thuật của Công ty
	(1)				(2)	(3)	A	B = A x (4)	(5)	(6)
1										
2										

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm

3. Thời gian thực hiện: ngày.

4. Chế độ bảo hành: (đối với hàng hóa).

5. Điều kiện thanh toán:

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

10

Phụ lục.
DANH MỤC IN ÁN, KHỐI LƯỢNG, MÔ TẢ HÀNG HÓA
GÓI THẦU CUNG CẤP IN ÁN PHẨM CHUYÊN MÔN CHO BỆNH VIỆN MẮT NĂM 2026-2027
(Đính kèm Công văn số 9128 /BVM-HCQT ngày 22 /3/2026 của Bệnh viện Mắt)

1. Khoa Giác Mạc				
STT	Danh mục sản phẩm	Khối lượng	Đơn vị	Quy cách, thông số kỹ thuật
1	Hồ sơ bệnh án (nội trú) (Bìa hồ sơ)	2.000	Cái	- Sử dụng cho Khoa Giác mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 11 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 02 tờ A4 <i>(Trong đó có 1 tờ in 2 mặt đứng, 01 tờ in 2 mặt ngang theo mẫu bệnh viện)</i> vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chỉ tiết theo mẫu bệnh viện.
2	Hồ sơ bệnh án ngoại trú (gáy mỏng)	3.000	Cái	- Không bìa. - Ruột: giấy thường (80gsm). Dán 2 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 1 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chỉ tiết theo mẫu bệnh viện
3	Hồ sơ bệnh án ngoại trú (gáy dày)	3.000	Cái	- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 7 tờ A4 <i>(Trong đó 5 tờ A4 in 2 mặt, 2 tờ A4 in 1 mặt theo mẫu bệnh viện)</i> vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chỉ tiết theo mẫu bệnh viện.
4	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (tờ 1: công khai XN)	3.000	Tờ	Khô giấy A4, ngang, in hai mặt, giấy thường (70gsm)

STT	Danh mục sản phẩm	Khối lượng	Đơn vị	Quy cách, thông số kỹ thuật
	(TT 50/2017/TT-BYT)			
5	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (tờ 2: công khai thuốc) (TT 50/2017/TT-BYT)	5.000	Tờ	Khổ giấy A4, ngang, in hai mặt, giấy thường (70gsm)
6	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thu thuật và gây mê hồi sức	6.000	Tờ	Khổ giấy A4, dọc, in hai mặt, giấy thường (70gsm)
7	Sổ duyệt kế hoạch phẫu thuật	5	Quyển	Bìa A4, dọc, màu xanh, bìa mềm (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
8	Sổ kiểm tra	5	Quyển	Bìa A4, dọc, màu xanh, Bìa mềm (100gsm), in 1 mặt, bao kiếng bìa Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
9	Sổ biên bản hội chẩn	5	Quyển	Bìa A4, dọc, màu xanh, bìa mềm (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
10	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	5	Quyển	Bìa A4, dọc, màu xanh, bìa mềm (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)

2. Khoa Glaucoma

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
I	HỒ SƠ BỆNH ÁN				
1	Nội trú	Bộ	4.500		- Sử dụng cho Khoa Glaucoma - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: 16 gáy KT 6 x 30cm không in. Đóng kim gáy
2	Nội trú (hồ sơ giấy phòng EMR lõi)	Bộ	200		Sử dụng cho Khoa Glaucoma

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
					- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: 13 gáy KT 6 x 30cm không in. in 01 tờ A5 phiếu danh mục hồ sơ bệnh án in 01 mặt. 01 tờ A3 phiếu bệnh án mắt 3 in 2 mặt. 01 tờ A4 phiếu theo dõi chức năng sống. 03 tờ A4 phiếu điều trị in 2 mặt. 2 tờ A4 phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án. Tất cả in theo mẫu bệnh viện. Đóng kim gáy
3	Hồ sơ ngoại trú Glaucoma	Bộ	2.000		- Không bìa: 10 gáy KT 6 x 30cm không in. 1 tờ A3, in 1 màu 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. 10 tờ điều trị A4 in hai mặt .Đóng kim gáy
4	Hồ sơ ngoại trú (needling)	Bộ	100		- Không bìa: 10 gáy KT 6 x 30cm không in. 1 tờ A3, in 1 màu 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. 01 tờ A4 phiếu theo dõi chức năng sống in 2 mặt. 01 tờ A4 phiếu chăm sóc in 2 mặt. 01 tờ A4 phiếu biên bản hội chẩn phẫu thuật in 2 mặt. 01 tờ A4 phiếu bảng kiểm tra tiền phẫu. 01 tờ A4 phiếu điều trị in 2 mặt. Đóng kim gáy
5	Hồ sơ ngoại trú (Irido)	Bộ	3.500		- Không bìa: 10 gáy KT 6 x 30cm không in. 1 tờ A3, in 1 màu 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. 01 tờ A4 phiếu chăm sóc. 01 tờ A4 phiếu điều trị in hai mặt .Đóng kim gáy
6	Hồ sơ ngoại trú (Capsulo)	Bộ	13.000		- Không bìa: 10 gáy KT 6 x 30cm không in. 1 tờ A3, in 1 màu 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. 01 tờ A4 phiếu chăm sóc. 01 tờ A4 phiếu điều trị in hai mặt. Đóng kim gáy

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
7	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
8	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh nội trú (Người lớn hoặc nhi)	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
9	Tờ điều trị	Tờ	400	Pho 70	A4 đen/đen
10	Danh mục trong hồ sơ bệnh án	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/0
11	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức, phẫu thuật đục thủy thể và đặt kính nội nhãn kèm hoặc kèm cắt bì cùng mạc và gây mê hồi sức	Tờ	2.000	Pho 70	1 tờ A3 gấp đôi thành 2 tờ A4, in tất cả 04 mặt
12	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức tiêm thuốc nội nhãn (avastin) và gây mê hồi sức	Tờ	1.000	Pho 70	1 tờ A3 gấp đôi thành 2 tờ A4, in tất cả 04 mặt
13	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt bì cùng mạc	Tờ	1.000	Pho 70	1 tờ A3 gấp đôi thành 2 tờ A4, in tất cả 04 mặt
14	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật đặt thiết bị dẫn lưu glôcôm	Tờ	500	Pho 70	1 tờ A3 gấp đôi thành 2 tờ A4, in tất cả 04 mặt
15	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật laser yag cắt mống chu	Tờ	3.500	Pho 70	1 tờ A3 gấp đôi thành 2 tờ A4, in 03 mặt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	biên				
16	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật laser yag mở bao sau	Tờ	13.000	Pho 70	A4, đen/đen
17	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật áp lạnh thể mi	Tờ	500	Pho 70	A4, đen/đen
18	Phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	500	Pho 70	In 2 tờ A4 bấm lại với nhau, 01 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt
19	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	500	For 120	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
20	Giấy ra viện (màu hồng dung khi EMR lỗi)	Tờ	500	Pho 120	Giấy màu hồng Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
21	Thông tin thuốc	Tờ	3.500	Pho 100	A5 đen/0, Nhuộm màu hồng, in 1 mặt
22	Hướng dẫn sau Laser	Tờ	10.000	Pho 100	A5 đen/0, Nhuộm màu hồng, in 1 mặt

3. Khoa Tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh nhãn khoa

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
I	HỒ SƠ BỆNH ÁN				
1	Hồ sơ ngoại trú bán phần trước	Bộ	2.700		- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhãn khoa. - Không bìa - Ruột: giấy for 70, 2 tờ A3 gấp đôi thành 4 mặt A4, in 4 mặt A4, nội dung theo mẫu Bệnh viện, 10 giấy KT 6 x 30cm

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
					không in. Dán 1 tờ A4 in 1 mặt, 3 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
2	Hồ sơ ngoại trú chấn thương	Bộ	2.000		- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa. - Không bì - Ruột: giấy for 70, 2 tờ A3 gấp đôi in 4 mặt, nội dung theo mẫu Bệnh viện, 10 giấy KT 6 x 30cm không in. Đóng kim giấy.
3	Bệnh án nội trú chấn thương	Bộ	3.000		- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70, 12 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
4	Bệnh án nội trú thần kinh nhãn khoa	Bộ	1.000		- Sử dụng cho Khoa tạo hình thẩm mỹ - Thần kinh Nhân khoa - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70, 10 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A4 in 1 mặt 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
5	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật rách giác mạc - cùng mạc	Tờ	3.000	Pho 70	A4, đen/đen
6	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức tiêm kháng sinh nội nhãn	Tờ	1.000	Pho 70	A3 gấp đôi, đen/đen/đen/0 (3 mặt)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
7	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức nối lệ quản có đặt ống silicon	Tờ	1.000	Pho 70	A4, đen/đen (2 mặt)
8	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật mỏng thịt	Tờ	1.500	Pho 70	A4, đen/đen
9	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật tiếp khâu túi lệ mũi + silicon	Tờ	1000	Pho 70	A3 gấp đôi, đen/đen/đen/0
10	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc	Tờ	500	Pho 70	A4, đen/đen
11	Phiếu chăm sóc (bệnh nhân phẫu thuật ngoại trú in sẵn nội dung)	Tờ	500	Pho 70	A4, đen/0
12	Thẻ dị ứng	Tờ	500	Pho 70	A5, đen/đen
13	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	2.000	Pho 70	A5, đen/đen
14	Phiếu theo dõi chức năng sống (ngoại trú sử dụng)	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
15	Sổ giao nhận gòn gác -	Cuốn	5		Sổ kích thước A4

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	dùng cụ đã tiết trùng tại khoa				Bìa: màu xanh; Giấy for 100; trang trước bìa in 1 mặt; trang sau bìa không in chữ. Ruột: giấy for 70, in 2 mặt, 35 tờ A4 in theo mẫu của bệnh viện. Đóng kim giấy.

4. Khoa Dịch kính võng mạc

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1.	Bệnh án ngoại trú mắt (Đáy mắt)	Bộ	6.000	-	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 25 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 7 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
2.	Hồ sơ bệnh án (Dịch kính võng mạc) - sử dụng khi bệnh án điện tử bị lỗi	Bộ	500		- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 32 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (trong đó có 7 tờ in 2 mặt, 3 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
3.	Hồ sơ bệnh án (phẫu thuật về trong ngày) - sử dụng khi bệnh án điện tử bị lỗi	Bộ	2.000		- Sử dụng cho Khoa Dịch kính võng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 21 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 12 tờ A4 (trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 4 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
4.	Hồ sơ bệnh án (Dịch kính vồng mạc) –Dành cho bệnh án điện tử	Bộ	1.500		- Sử dụng cho Khoa Dịch kính vồng mạc - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 45 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
5.	Hồ sơ bệnh án (phẫu thuật về trong ngày) –Dành cho bệnh án điện tử	Bộ	10.000	-	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính vồng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 21 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 12 tờ A4 (trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 4 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
6.	Hồ sơ bệnh án (tiêm thuốc nội nhãn)	Bộ	500	-	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính vồng mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 40 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 12 tờ A4 (trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 4 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
7.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gáy mê hồi sức	Tờ	15.000	Pho 70	A5 đen/đen
8.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	2.000	For 120gsm	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu
9.	Phiếu kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	5.000	Pho 70	A3 gấp đôi thành 02 tờ A4, in 3 mặt



STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	(dành cho những hồ sơ từ khoa khác chuyển qua)				
10.	Danh mục hồ sơ bệnh án (dành cho những hồ sơ từ khoa khác chuyển qua)	Tờ	5.000	For 80	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú (áp dụng cho tất cả hồ sơ mở về trong ngày và nội trú)	Tờ	12.000	For 80	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu hẹn phẫu thuật- khoa Dịch kính võng mạc (màu vàng)	Tờ	12.000	A5	Giấy màu vàng, For (100gsm) Khỏ giấy A5, đứng, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Hướng dẫn người bệnh khoa Dịch kính võng mạc làm xét nghiệm cận lâm sàng	Tờ	12.000	A5	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Hướng dẫn người bệnh làm xét nghiệm cận lâm sàng (tại khu khám 2)	Tờ	12.000	A5	Khỏ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Tờ bướm “cảnh giác với nguy cơ tắc tĩnh mạch võng mạc”	Tờ	2.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
16.	Tờ bướm “Những thông tin chăm sóc mắt sau phẫu thuật bong võng mạc”	Tờ	3.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
17.	Phiếu đánh giá tình trạng dinh dưỡng	Tờ	3.000		Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Tờ bướm “Lệch thể thủy tinh”	Tờ	1.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
19.	Phiếu chăm sóc (hồ sơ ngoại trú DKVM)	Tờ	35.000		Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Giấy cam đoan chấp nhận tiêm thuốc nội nhãn	Tờ	60.000		02 tờ A4 dọc (Trong đó: 01 tờ in 2 mặt, 01 tờ in 1 mặt), giấy For (80gsm). Dùng kim bấm bấm 2 tờ lại với nhau
21.	Tờ bướm” thoái hóa hoàng điểm ở người lớn tuổi”	Tờ	500		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
22.	Tờ bướm: những điều cần biết về phẫu thuật cắt dịch kính lấy thể thủy tinh lệch/ IOL lệch kết hợp đặt IOL (thể thủy tinh thể nhân tạo)cùng mạc”	Tờ	500		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (180gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
23.	Phiếu theo dõi điều trị (dành cho hồ sơ tiêm)	Tờ	35.000		Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Bảng kiểm tra tiên phẫu tiêm thuốc	Tờ	35.000		Khổ giấy A4, in 2 mặt, giấy For (70gsm) -Mặt trước: Khổ giấy A4, dọc, giấy For (70gsm) -Mặt sau: Khổ giấy A4, ngang, giấy For (70gsm)

5. Khoa Mắt Nhì

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1.	Hồ sơ bệnh án mắt trẻ em	Bộ	5.000		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: Giấy for 70, 12 giây KT 6 x 30cm không in, theo mẫu Bệnh viện vào giấy.
2.	Hồ sơ bệnh án mắt trẻ em (sử dụng khi bệnh án điện tử bị lỗi)	Bộ	500		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70, 10 giây KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A5, 1 tờ A3, 10 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
3.	Bệnh án ngoại trú nhi (Gồm 3 loại mẫu; cắt chỉ, phẫu thuật và điều trị nội khoa)	Bộ	4.800		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi - Không bìa. - Ruột: giấy for 70, 10 giây KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A5, 1 tờ A3, 10 tờ A4 in 2 mặt (trong đó có 01 tờ giấy màu) theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
4.	Hồ sơ bệnh án theo dõi glaucoma nhi	Bộ	500		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhi - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. + Ruột: giấy for 120gsm, đục, dán 4 tờ A4 (trong đó: có 2 tờ A4 giấy màu (1 tờ in 1 mặt 1 tờ in 2 mặt), 02 tờ A4 không màu (1 tờ in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt)). + Bìa và ruột được liên kết bằng đục lỗ và thanh ACCO nhựa.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
					- In theo mẫu bệnh viện
5.	Hồ sơ bệnh án theo dõi đục thủy tinh thể nhĩ	Bộ	500		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhĩ - Bìa cứng A3 (gập đôi thành 2 tờ A4), giấy for (180gsm) - Ruột: giấy for 80gsm, không gáy, dán 3 tờ A3 gập đôi thành 06 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy
6.	Hồ sơ bệnh án theo dõi retinoblastoma	Bộ	500		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhĩ - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. + Ruột: giấy for 160gsm, dọc, dán 1 tờ A4 màu in 2 mặt + Bìa và ruột được liên kết bằng đục lỗ và thanh ACCO nhựa. - In theo mẫu bệnh viện
7.	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	Tờ	500	Pho 70	- Giấy A4 màu, in 1 mặt
8.	Hồ sơ bệnh án ngoại trú lẻ	Bộ	2.500		- Sử dụng cho Khoa Mắt Nhĩ. - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 2 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 3 tờ A4 in 2 mặt vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
9.	Giấy đề nghị làm người đại diện cho người bệnh	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/0
10.	Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Bộ	1.000	Pho 70	2 tờ A4, trong đó 01 tờ in 2 mặt, 1 tờ giấy trắng và bấm lại với nhau

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
11.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	500	Pho 70	A5 đen/đen
12.	Phiếu hẹn theo dõi điều trị lẻ	Tờ	3000	Pho 70	A4 in 2 mặt, được gấp đôi lại thành 02 tờ A5
13.	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật	Tờ	4.000	Pho 70	A4 đen/đen
14.	Phiếu khám tiền mê	Tờ	2.500	Pho 80	Giấy A4 màu, in 2 mặt
15.	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	4.000	Pho 70	A4 đen/0
16.	Phiếu khám lẻ	Tờ	7500	Pho 70	A4 đen/đen
17.	Phiếu hẹn phẫu thuật lẻ	Tờ	1500	Pho 70	A5 đen/đen
18.	Đơn kính (phòng lẻ)	Tờ	5.000	Pho 70	A5 đen/0
19.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
20.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	500	For 120gsm	Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm)
21.	Những điều cần biết trước khi phẫu thuật	Tờ	6.000	Pho 100	Giấy A5, Nhuộm màu hồng, in màu 1 mặt
22.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lẻ	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
23.	Tờ đồng thuận điều trị corticoid liều cao	Tờ	500	Pho 70	A5 đen/0
24.	Phiếu hẹn phẫu thuật	Tờ	6.000	Pho 70	A5 đen/0
25.	Phiếu cam kết khám mê kết hợp phẫu thuật cắt bì cùng mạc	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 in 2 mặt và bấm lại với nhau
26.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thủ thuật	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ giấy trắng và bấm lại với nhau)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	thông lệ đạo				
27.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật rách giác mạc - củng mạc	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
28.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u bì	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
29.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
30.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thể thủy tinh	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
31.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt bỏ nhãn cầu	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
32.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u vùng mi mắt	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
33.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật sụp mi	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
34.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật quặm trẻ em	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)
35.	Giấy cam kết chấp nhận laser võng mạc	Bộ	500	Pho 80	02 tờ A4 (1 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt và bấm lại với nhau)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	trong điều trị bảo tồn ung thư nguyên bào vồng mạc giai đoạn sớm				với nhau)
36.	Phiếu theo dõi chức năng sống	Tờ	1.200	Pho 70	A4 đen/đen
37.	Phiếu hẹn phẫu thuật ngoại trú nhĩ	Tờ	2.400	Pho 70	A5 đen/0
38.	Phiếu chăm sóc - ngoại trú - mổ chương trình	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
39.	Phiếu chăm sóc - ngoại trú - mổ cấp cứu	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
40.	Phiếu chăm sóc - ngoại trú - cắt chỉ	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
41.	Phiếu chỉ định chẩn đoán hình ảnh	Tờ	500	Pho 70	A4 đen/đen
42.	Phiếu chỉ xét nghiệm HH-SH-MD	Tờ	500	Pho 70	Giấy màu A4, in 1 mặt
43.	Hướng dẫn đo thị lực trẻ bằng chữ E	Tờ	6.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (160gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
44.	Hướng dẫn cách che mắt điều trị nhược thị	Tờ	6.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (160gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
45.	Sổ giao nhận gòn gác - dụng cụ đã tiết trùng tại khoa	Cuốn	05		Sổ kích thước A4 Bìa: màu xanh; Giấy for 120; trang trước bìa in 1 mặt; trang sau bìa không in chữ. Ruột: giấy for 70, in 2 mặt, 35 tờ A4 in theo mẫu của bệnh viện. Đóng kim giấy.
46.	Sổ phẫu thuật	Cuốn	05		Sổ kích thước A4 Bìa: màu xanh; Giấy for 120; trang trước bìa in 1

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
					mặt; trang sau bìa không in chữ. Ruột: giấy for 70, in 2 mặt, 200 tờ A4 in theo mẫu của bệnh viện. Đóng kim gáy.
47.	Sổ Phiếu lĩnh thuốc	Cuốn	05		Sổ kích thước A4. Bìa: màu xanh; Giấy for 120; trang trước bìa in 1 mặt; trang sau bìa không in chữ. Ruột: giấy for 70, in 1 mặt, 100 tờ A4 in theo mẫu của bệnh viện. Đóng kim gáy và dán băng keo màu.

6. Khoa Tổng hợp

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
I	HỒ SƠ BỆNH ÁN				
1.	HSBA đọc thủy tinh thể	Bộ	150.000		- Sử dụng cho Khoa Tổng hợp - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70, 15 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 12 tờ A4 (trong đó 6 tờ in 2 mặt, 6 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
2.	HSBA Khác	Bộ	600		- Sử dụng cho Khoa Tổng hợp - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70, 15 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 10 tờ A4 (trong đó 4 tờ in 2 mặt, 6 tờ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
					<i>in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
II IN ĂN PHẨM KHÁC					
3.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật đục thủy tinh thể và đặt kính nội nhãn	Bộ	150.000	Pho 100 xanh	1 tờ Giấy A3 màu xanh dương gấp đôi thành 02 tờ A4 in 4 mặt và dán với 01 tờ A4 màu xanh dương in 1 mặt
4.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú	Tờ	80.000	Pho 70	A4 đen/đen
5.	Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú (không xét nghiệm)	Tờ	35.000	Pho 70	A4 đen/đen
6.	Biên bản thông qua mổ	Tờ	10.000	Pho 70	A4 đen/0
7.	Bảng kiểm chuẩn bị và bàn giao người bệnh trước phẫu thuật	Tờ	1.000	Pho 70	A4 đen/đen
8.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho bác sĩ)	Tờ	1.000	Pho 70	A4 đen/0
9.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Dành cho điều dưỡng)	Tờ	1.000	Pho 70	A4 đen/0
10.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	500		Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sĩ (khi chưa kết thúc việc chữa bệnh)	Tờ	500		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	Tờ	150.000	Pho 70	A4 đen/đen
13.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch	Tờ	1.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
	vụ khám bệnh, chữa bệnh				
14.	Chăm sóc mắt người bệnh trước trong sau phẫu thuật đục thủy tinh (Phaco) (điều trị trong ngày)	Tờ	150.000		Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
15.	Phiếu hẹn hồng	Tờ	24.000		Giấy màu hồng Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
16.	Phiếu hẹn vàng	Tờ	24.000		Giấy màu vàng Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
17.	Phiếu hẹn xanh	Tờ	120.000		Giấy màu xanh Khổ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Quy trình hướng dẫn người bệnh phẫu thuật Phaco theo dịch vụ yêu cầu về trong ngày	Tờ	96.000	Rất ít khi sử dụng	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), tờ bướm được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
19.	Sổ bàn giao người bệnh	Cuốn	60		Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 2 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in màu, in 2 mặt, 100 trang, Giấy For (80gsm)

7. Khoa Khúc xạ

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
1.	Bệnh án ngoại trú	Bộ	10.000	- Sử dụng cho Khoa Khúc xạ. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1



STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
				màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. 01 tờ A3 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Dán 1 tờ A5 màu vàng (cắt ra khoảng 10cm x 21cm) - Dán 1 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện - Sử dụng cho Khoa Khúc xạ. - Bìa: KT 36 x 48cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70gsm, 100 gáy KT 6 x 36cm không in. Đóng kim gáy. - 01 tờ A3 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện.
2.	Bệnh án ngoại trú (gáy dày)	Bộ	50	
3.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (Ngoại trú)	Tờ	10.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
4.	Biên bản hội chẩn phẫu thuật	Tờ	8.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
5.	Bảng kiểm tra tiền phẫu, Bảng kiểm an toàn phẫu thuật LASIK	Tờ	5.000	- 01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khỏ giấy A4, dọc, For (70gsm) - Mặt sau: Khỏ giấy A4, ngang, For (70gsm)
6.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật Femto - LASIK	Tờ	5.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
7.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao Femto - LASIK	Tờ	3.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
8.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật SMILE	Tờ	5.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao SMILE	Tờ	5.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
10.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật laser bề mặt	Tờ	50	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao laser bề mặt	Tờ	50	Khổ giấy A4, dọc, in 2mặt, giấy For (80gsm)
12.	Bảng kiểm dụng cụ phẫu thuật Crosslinking	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu theo dõi điều trị vật tư tiêu hao Crosslinking	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu phẫu thuật điều trị dẫn phình giác mạc bằng Crosslinking	Tờ	100	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Biên bản kiểm tra hồ sơ bệnh án	Tờ	6.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
16.	Phiếu đo thông số phẫu thuật lão thị bằng laser	Tờ	100	Giấy màu xanh dương Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
17.	Giấy chứng nhận phẫu thuật	Tờ	4.000	Kích thước: 130mmx190mm, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm) In màu xám
18.	Phiếu hẹn	Tờ	1.000	A5 in 1 mặt, giấy For (80gsm) Cắt ra kích thước: 105x150mm
19.	Giấy đăng ký khám và tư vấn trước phẫu thuật khúc xạ	Tờ	6.000	Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
20.	Phiếu hẹn phẫu thuật	Tờ	1.000	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm) Giấy màu hồng
21.	Phiếu theo dõi hậu phẫu	Tờ	9.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (0gsm)
22.	Phiếu theo dõi hậu phẫu Phakic IOL	Tờ	500	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
23.	Đơn kính	Tờ	50.000	Giấy màu trắng

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
				Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
24.	Hướng dẫn sau phẫu thuật khúc xạ bằng laser	Tờ	7.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
25.	Bệnh án ngoại trú mắt (Phẫu thuật khúc xạ)	Tờ	500	Không bìa Giấy màu trắng Giấy For (80gsm). Khổ giấy A3 xếp đôi thành 2 tờ A4 in 4 mặt.
26.	Phiếu đo thông số phẫu thuật khúc xạ bằng laser	Tờ	500	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Phiếu Danh mục hồ sơ bệnh án	Tờ	3.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu hướng dẫn sau khi đã hện mổ khúc xạ (LASIK)	Tờ	4.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
29.	Phiếu hồ sơ PTK	Tờ	100	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Phiếu tái khám PTK	Tờ	100	Giấy màu trắng Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
31.	Brochure trước phẫu thuật	Tờ	100	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (160gsm), khổ giấy được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
32.	Brochure dẫn dò sau phẫu thuật	Tờ	3.000	Giấy màu, cán màng 2 mặt. Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, For (160gsm), khổ giấy được gấp thành 3 phần bằng nhau. In theo mẫu của bệnh viện
33.	Phiếu đặt kính	Tờ	15.000	Giấy màu trắng

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
				Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
34.	Cách thức sử dụng thuốc nhỏ mắt	Tờ	3.000	Giấy màu trắng A5 in 1 mặt, cắt ra kích thước: 105mmx150mm, dọc, giấy For (70gsm)
35.	Phiếu tóm tắt quy trình khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật Femto LASIK	Tờ	4.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
36.	Phiếu tóm tắt quy trình khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật SMILE	Tờ	4.000	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
37.	Phiếu tóm tắt quy trình khám sau phẫu thuật khúc xạ + Hướng dẫn sau phẫu thuật Crosslinking	Tờ	500	Giấy màu trắng Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
38.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật khúc xạ	Bộ	15.000	Giấy For (80gsm), khổ giấy 2 tờ A3 xếp đôi thành 4 tờ A4 in 8 mặt (8 trang), màu xanh dương giống mẫu
39.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lão thị	Bộ	500	Giấy For (80gsm), giấy A3, cán 2 đường, in thành 6 trang.
40.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Phakic IOL	Bộ	2.000	Giấy For (80gsm), giấy A3, cán 2 đường, in thành 5 trang, màu cam.
41.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Crosslinking	Bộ	500	Giấy For (80gsm), giấy A3, cán 1 đường, in thành 4 trang, màu xanh lá

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	Quy cách hàng hóa
42.	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật Phototherapeutic Keratectomy (PTK)	Bộ	500	Giấy For (80gsm), giấy A3, cân 1 đường, in thành 4 trang
43.	Giấy cam kết giao gọng kính để làm tròng kính	Bộ	40.000	Giấy A5, in 1 mặt giấy For (70gsm)
44.	Thu ngỏ những điều cần biết sau khi nhỏ giãn đồng tử	Tờ	12.000	A5, in 1 mặt giấy For (70gsm)

8. Khoa Cấp cứu

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
1.	HSBA nội trú khoa Nhi	Bộ	800	- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cân màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 13 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3, 9 tờ A4 (<i>Trong đó có 1 tờ in 1 mặt, 8 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện</i>) vào gáy. Đóng kim gáy. - Chỉ tiết theo mẫu bệnh viện
2.	HSBA nội trú khoa Dịch Kính Vong Mạc	Bộ	800	- Sử dụng cho Khoa Dịch kính Vong Mạc. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 220gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cân màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 32 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (<i>trong đó có 8 tờ in 2 mặt, 2 tờ in 1 mặt</i>) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
3.	HSBA nội trú khoa Giác Mạc	Bộ	1.000	- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 11 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A5, 15 tờ A4 (Trong đó có 3 tờ in 1 mặt, 12 tờ in 2 mặt theo mẫu bệnh viện) vào gáy. Đóng kim gáy. - Không thay đổi cỡ chữ. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
4.	HSBA nội trú chấn thương (khoa THPTM-TKNK)	Bộ	1.300	- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 8 tờ A4 (trong đó có 7 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
5.	HSBA nội trú nhãn khoa thần kinh (khoa THPTM-TKNK)	Bộ	500	- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 10 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 10 tờ A4 (trong đó có 9 tờ in 2 mặt, 1 tờ in 1 mặt) theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy.
6.	HSBA nội trú khoa Glaucoma	Bộ	600	- Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 80gsm, 18 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 2 tờ A3, 5 tờ A4 in 2 mặt theo mẫu Bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
7.	Bệnh án ngoại trú mắt (Bán phần trước)	Bộ	800	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bìa - Ruột: giấy for 80gsm, 12 gáy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 5 tờ A4 (1 tờ in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt (mặt trước in dọc, mặt đọc sau in 2 mặt), 3 tờ in dọc 2 mặt) theo

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
8.	Bệnh án ngoại trú khoa Cấp cứu	Bộ	500	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bì - Ruột: giấy for 80gsm, 10 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 4 tờ A4 (2 tờ in ngang 2 mặt, 2 tờ in dọc 2 mặt), theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
9.	Bệnh án ngoại trú mắt	Bộ	500	- Sử dụng cho Khoa Cấp cứu - Không bì - Ruột: giấy for 80gsm, 10 giấy KT 6 x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 4 tờ A4 (1 tờ in ngang 2 mặt, 4 tờ in dọc 2 mặt), theo mẫu Bệnh viện vào giấy. Đóng kim giấy.
10.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Danh cho điều dưỡng)	Tờ	500	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa (Danh cho Bác sĩ)	Tờ	500	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Biên bản hội chẩn	Tờ	1.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Giấy cam kết chấp nhận PT, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	1.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	Tờ	1.000	01 tờ A4 in 2 mặt. Trong đó: - Mặt trước: Khỏ giấy A4, dọc, giấy For (70gsm) - Mặt sau: Khỏ giấy A4, ngang, giấy For (70gsm)
15.	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	1.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	1.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
17.	Phiếu điện tim	Tờ	150.000	Khổ giấy A3, ngang, gấp đôi thành 2 tờ A4 (in 3 mặt), giấy For (80gsm)
18.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	4.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
19.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (phẫu thuật ngoại trú)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (ngoại trú cấp cứu)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Phiếu theo dõi và chăm sóc (cấp cứu nội khoa)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
22.	Dẫn dò người bệnh sau lấy dị vật giác mạc – kết mạc	Tờ	2.000	In màu Khổ giấy A5, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Phiếu thông tin người bệnh	Tờ	5.000	Kích thước: 100mmx150mm, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Sổ thường trực cấp cứu – Khoa Cấp cứu	Cuốn	120	Bìa giấy mềm A3, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khổ giấy A3, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm)
25.	Sổ bàn giao dụng cụ cấp cứu	Cuốn	30	Bìa giấy mềm A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm)
26.	Sổ bàn giao người bệnh khoa Cấp cứu và khoa GMHS	Cuốn	20	Bìa giấy mềm A4, ngang, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 50 tờ, giấy for (80gsm)
27.	Sổ bàn giao người bệnh khoa Cấp cứu và các khoa lâm sàng	Cuốn	20	Bìa giấy mềm A4, ngang, in màu 1 mặt, giấy for (100gsm) Ruột: Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 50 tờ, giấy for (80gsm)

9. Khoa Dược

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1	Bản tin được làm sàng	cuốn	100		Kích thước A4; 6 tờ A4; sử dụng giấy For 160, in màu theo mẫu của bệnh viện; in 2 mặt, cán màng 2 mặt
2	Danh mục thuốc nhìn giống nhau (LASA)	Bản	110	Pho 80	5 tờ A4 in màu 2 mặt; các tờ A4 ép plastic. In theo mẫu của bệnh viện
3	Thẻ cảnh báo dị ứng thuốc	thẻ	1.000	Giấy For 160 nhuộm màu theo mẫu	- Kích thước thẻ giấy: 7,5cm x 5cm, giấy for 100gsm. - Bao nhựa bọc thẻ có kích thước lớn hơn thẻ. - In 2 mặt, bìa cứng, màu vàng.
4	Giấy hướng dẫn "Nhỏ các thuốc cách nhau 15 phút"	Tờ	300.000	Pho 70	Kích thước: 8cmx3cm; in 1 mặt
5	Giấy hướng dẫn "ACETAMINOPHEN 500MG"	Tờ	400.000	Pho 70	Kích thước: 6cmx2cm; in 1 mặt
6	Giấy hướng dẫn "Acetazolamid 0,25g-Kaleorid 0,6g"	Tờ	400.000	Pho 70	Kích thước: 6cmx2cm; in 1 mặt
7	Giấy hướng dẫn "Nhỏ mắt mở ngày 8 lần, lần 1 giọt"	Tờ	400.000	Pho 70	Kích thước: 6cmx2cm; in 1 mặt
8	Giấy hướng dẫn "Rửa mắt mở ngày 3 lần"	Tờ	400.000	Pho 70	Kích thước: 6cmx2cm; in 1 mặt
9	Giấy dán hướng dẫn sử dụng thuốc mỡ tra mắt	Tờ	230.000	Pho 70	Kích thước: 12cmx4cm; in 1 mặt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
10	Nhãn decal có keo "Rx Thuốc nhỏ mắt"	Tờ	2.000		Kích thước: 7,5cm x 2,5cm; in 1 mặt, nhãn có keo
11	Danh mục thuốc nguy cơ cao ADR	bản	60		Khổ giấy A4, in 1 mặt, có màu, giấy for (80 gsm), ép plastic cứng.
12	Poster Báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) bằng mã QR	bản	30		Khổ giấy A5, in 1 mặt, có màu, ép plastic cứng.

10. Khoa Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng nhãn khoa

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách hàng hóa
1.	Bao phim X- Quang	Bao	12.000	Giấy draft, 160gsm. Kích thước bao: 42cmx28cm, in 1 mặt Có quai xách, dán viền chữ L In theo mẫu của bệnh viện
2.	Hồ sơ bệnh án ngoại trú (Bán phần sau)	Bộ	8.000	6 tờ A4 dọc 1 tờ A3 ngang, xép đôi Trong đó: + 01 tờ giấy A4 màu xanh, dọc, giấy For (120gsm), in 1 mặt. + 05 tờ in A4 trắng, dọc, 1 tờ in 1 mặt, 4 tờ in 2 mặt), giấy For (80gsm). + 1 tờ giấy A3, ngang, xép đôi (Gồm có 3 mặt; Trong đó 1 bên 2 mặt, 1 bên 1 mặt), giấy For (80gsm): giấy cam kết Laser quang đông * Hồ sơ bệnh án dán thứ tự theo mẫu và được đóng gáy hồ sơ.
3.	Giấy cam kết chụp mạch huỳnh quang	Tờ	500	Khổ giấy A3, ngang, xép đôi (Gồm có 3 mặt; Trong đó 1 bên 2



STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách hàng hóa
				mặt, 1 bên 1 mặt), giấy For (80gsm)
4.	Phiếu hướng dẫn chụp hình ảnh quang	Tờ	800	Khổ giấy A5, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5.	Phiếu hướng dẫn đo thị trường	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Phiếu hướng dẫn chụp đáy mắt	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu hướng dẫn siêu âm nhãn cầu hốc mắt phòng 106 + 108	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu hướng dẫn đếm tế bào nội mô	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu hướng dẫn siêu âm tính công suất thủy tinh thể nhân tạo và siêu âm B khoa CEHA-TDCNNK (lần 3)	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Phiếu hướng dẫn siêu âm tính công suất thủy tinh thể nhân tạo và siêu âm B khoa CEHA-TDCNNK (lần 4)	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Phiếu hướng dẫn chụp X – Quang	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu hướng dẫn chụp cắt lớp quang học nhãn cầu 105 + 107	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu hướng dẫn siêu âm bán phần trước	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu hướng dẫn laser quang đông võng mạc	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu hướng dẫn chụp bản đồ giác mạc	Tờ	500	Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Sơ đồ khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng Nhân khoa	Tờ	500	In màu Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
17.	Sổ test máy Siêu âm B	Cuốn	60	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách hàng hóa
				Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
18.	Sổ test máy Siêu âm A	Cuốn	20	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
19.	Sổ test máy OCT	Cuốn	20	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
20.	Sổ test máy UBM	Cuốn	10	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
21.	Sổ test máy ĐO THỊ TRƯỜNG	Cuốn	15	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
22.	Sổ test máy CHỤP ĐÁY MẮT HUỖNH QUANG	Cuốn	15	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
23.	Sổ test máy LASER QUANG ĐỒNG VÕNG MẠC	Cuốn	10	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
24.	Sổ test máy ĐẾM TẾ BÀO NỘI MÔ	Cuốn	10	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
25.	Sổ test máy IOL MASTER	Cuốn	30	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
26.	Sổ test máy CHỤP BẢN ĐỒ GIÁC MẠC	Cuốn	15	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
27.	Sổ test máy JAVAL KẾ	Cuốn	15	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ
28.	Sổ test máy X - QUANG	Cuốn	15	Bìa A4, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: Khô giấy A4, đọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm), 100 tờ

11. Phòng chỉ đạo tuyến

ST	Danh mục in	Dự trù	Đơn vị	Quy cách in
----	-------------	--------	--------	-------------

T		cho 12 tháng		
1	Hồ sơ bệnh án	2000	Cuốn	- Sử dụng cho Khoa Khúc xạ. - Bìa: KT 32 x 45cm, Giấy For 180gsm nhuộm màu theo mẫu, in 1 màu 1 mặt, cán màng mặt trong. - Ruột: giấy for 70gsm, 20 gáy KT 6 x 30cm không in. 01 tờ A3 in 2 mặt theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Dán 1 tờ A5, in 1 mặt - Dán 1 tờ A4 màu, in 2 mặt, dán 8 tờ A4 (trong đó có 04 tờ in 2 mặt, 04 tờ in 1 mặt) - In theo mẫu bệnh viện
2	Đơn xin mổ mắt	2000	Tờ	Khỏ giấy A4, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
3	Phiếu khám nội	2000	Tờ	Khỏ giấy A5, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
4	Phiếu điện tim	2000	Tờ	Khỏ giấy A3, xếp đôi thành 02 tờ A4, in 4 mặt
5	Phiếu chỉ định chẩn đoán hình ảnh	2000	Tờ	Khỏ giấy A4, in 2 mặt, in màu, giấy For (70gsm)
6	Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức, phẫu thuật đục thủy tinh thể và đặt kính nội nhãn	2000	Tờ	Khỏ giấy A3 (màu xanh dương), xếp đôi thành 02 tờ A4, in 4 mặt
7	Đơn thuốc (cấp về nhà) dành cho bệnh nhân mổ đục thủy tinh thể	2000	Tờ	Khỏ giấy A5, in 2 mặt, giấy For (70gsm)

12. Khoa Gây mê hồi sức

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
1.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật	Tờ	6.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	Khoa Giác mạc			
2.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc (Avastin)	Tờ	72.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
3.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc (Lucentis)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
4.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Dịch kính võng mạc	Tờ	30.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
5.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa DKVM – Viêm mủ nội nhãn	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
6.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (gây té)	Tờ	20.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (gây mê)	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa THPTM-TKNK (nội nhãn)	Tờ	5.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Glaucoma	Tờ	3.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
10.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Mắt Nhi (Gây mê)	Tờ	8.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
11.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Mắt Nhi (Gây tê)	Tờ	4.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Phòng mổ Mắt Nhi + Đục TTT (Gây mê)	Tờ	3.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Phòng mổ Mắt Nhi + Đục TTT (Gây tê)	Tờ	500	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
14.	Phiếu công khai thuốc và vật tư y tế sử dụng trong phẫu thuật Khoa Tổng hợp	Tờ	80.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Phiếu Gây mê hồi sức	Tờ	8.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
16.	Phiếu phẫu thuật/thủ thuật	Tờ	5.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
17.	Phiếu khám chuyên khoa	Tờ	500	In màu nhật Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
18.	Phiếu Hướng dẫn người bệnh sau phẫu thuật (Gây mê)	Tờ	1.000	Kích thước: 120mmx150mm, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
19.	Bảng kiểm tra chi tiết dao, kim sử dụng trong phẫu thuật	Tờ	30.000	Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
20.	Phiếu khám tiền mê (MA, MB, MC,	Tờ	30.000	Giấy màu vàng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
	MD, MN, TM)			Chữ ghi chú in chữ màu xanh Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
21.	Bảng kiểm test máy mở phaco Infinity	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
22.	Bảng kiểm test máy Monitor	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
23.	Bảng kiểm giám sát test máy gây mê và gây mê giúp thở	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
24.	Phiếu theo dõi điều trị (Hoãn khám tiền mê)	Tờ	3.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
25.	Phiếu theo dõi điều trị (Hoãn trong phẫu thuật)	Tờ	1.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
26.	Phiếu chăm sóc (Hoãn mổ)	Tờ	3.000	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
27.	Phiếu theo dõi tại phòng hồi tỉnh Phiếu đánh giá trước khi cho người bệnh ra khỏi phòng hồi tỉnh	Tờ	500	Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
28.	Phiếu chăm sóc cấp 1	Tờ	500	Khổ giấy A3, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
29.	Phiếu theo dõi phẫu thuật (Biến chứng)	Tờ	2.000	Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
30.	Sổ phẫu thuật	Cuốn	60	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, ngang, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm)
31.	Sổ phiếu lĩnh thuốc	Cuốn	100	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 1 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện
32.	Sổ công khai thuốc hàng ngày	Cuốn	40	Bìa giấy A3, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A3, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Quy cách hàng hóa
				(80gsm) In theo mẫu bệnh viện
33.	Sổ bàn giao người bệnh	Cuốn	100	Bìa giấy A4, dọc, in màu 1 mặt, giấy for (180gsm) Ruột: Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, số lượng 100 tờ, giấy for (80gsm) In theo mẫu bệnh viện

13. Khoa dinh dưỡng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1	Dinh dưỡng trong đất thảo đường	Tờ	1.000	Couche 150 gsm	- A4/In màu 2 mặt - Số đường cần: 2 đường
2	Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch	Tờ	1.000	Couche 150 gsm	- A4/In màu 2 mặt - Số đường cần: 2 đường
3	Dinh dưỡng cho đôi mắt sáng khỏe	Tờ	1.000	Couche 150 gsm	- A4/In màu 2 mặt - Số đường cần: 2 đường
4	Dinh dưỡng cho sự phát triển của trẻ	Tờ	1.000	Couche 150 gsm	- A4/In màu 2 mặt - Số đường cần: 2 đường
5	Nội dung kiểm tra căn tin hàng ngày	Tờ	2.000	Pho 70	- A4 đen/đen

14. Khoa Khám mắt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1.	Bệnh án ngoại trú miệng (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	8.000		- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 1,5cm x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
2.	Bệnh án ngoại trú lé (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	3.000		- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 1,5cm x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
3.	Bệnh án ngoại trú dư da (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	800		- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 1,5cm x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
4.	Bệnh án ngoại trú u kết mạc (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	400		- Không bìa. - Ruột: giấy for 80gsm, 16 gáy KT 1,5cm x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 6 tờ A4 (trong đó có 5 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chi tiết theo mẫu bệnh viện
5.	Bệnh án ngoại trú mắt (BÁN PHẦN TRƯỚC)	Bộ	600		- Không bìa.

	TRƯỚC) (tiêm Botox/ Dysport)				- Ruột: giấy for 80gsm, 6 gáy KT 1,5cm x 30cm không in. Dán 1 tờ A3 gấp đôi (in 4 mặt A4), 2 tờ A4 (trong đó có 1 tờ 1 in 1 mặt, 1 tờ in 2 mặt) theo mẫu bệnh viện vào gáy. Đóng kim gáy. - Chì tiết theo mẫu bệnh viện
6.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật miệng thịt	Tờ	8.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
7.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật sụp mí	Tờ	200		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật quặm	Tờ	300		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
9.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật cắt u kết mạc	Tờ	500		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật thẩm mỹ mí mắt	Tờ	300		Khỏ giấy A3, gấp đôi thành 02 tờ A4, in 3 mặt, giấy For (80gsm)
11.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật lé	Tờ	2.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
12.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật u vùng mí mắt	Tờ	600		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
13.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức phẫu thuật phủ kết mạc trên mắt mất chức năng	Tờ	100		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

14.	Giấy cam đoan chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	Tờ	1.000		Khổ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
15.	Quy định đối tượng ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh	Tờ	12.000		Khổ giấy A5, ngang, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
16.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ màng hoặc cắt u kết mạc	Tờ	10.000		Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
17.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ quặm, mí đôi, dư da	Tờ	1.000		Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
18.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ lé	Tờ	4.000		Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
19.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau mổ sụp mí	Tờ	500		Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
20.	Hướng dẫn chăm sóc mắt sau cắt nốt ruồi hoặc u mí	Tờ	1.000		Giấy màu, for 120gsm, cán màng mỏng 2 mặt, in màu Kích thước: 21cmx21cm, gấp đôi thành 2 phần bằng nhau, in 2 mặt In theo mẫu của bệnh viện
21.	Giấy chứng nhận phẫu thuật cho người bệnh mổ trung phẫu	Tờ	12.000		Giấy A5, màu xanh, for 120gsm In theo mẫu của bệnh viện

15. Biểu mẫu dung chung cho các Khoa, Phòng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Loại giấy	Quy cách hàng hóa
1.	Sổ hợp giao ban	Cuốn	200		Bìa A4, dọc, màu xanh, Giấy For (180gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
2.	Sổ thường trực	Cuốn	300		Bìa A4, dọc, màu xanh, bìa mềm (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
3.	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Cuốn	120		Bìa A4, dọc, màu xanh, bìa mềm (100gsm), in 1 mặt Ruột: A4, dọc, giấy trắng, in 2 mặt, 200 trang, Giấy thường (70gsm)
4.	Sổ vào viện, ra viện, chuyển viện	Cuốn	20		Sổ kích thước A3. Bìa: màu xanh; Giấy for 100; trang trước bìa in 1 mặt; trang sau bìa không in chữ.
5.	Phiếu chăm sóc cấp 2-3	Tờ	24.000		A4 đen/đen
6.	Phiếu theo dõi truyền dịch	Tờ	2.000		Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (70gsm)
7.	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	Tờ	100.000		Khỏ giấy A4, ngang, in 2 mặt, giấy For (80gsm)
8.	Biên bản hội chẩn thông qua phẫu thuật	Tờ	24.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (70gsm)
9.	Biên bản hội chẩn	Tờ	15.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 1 mặt, giấy For (80gsm)
10.	Tờ điều trị (phiếu theo dõi điều trị)	Tờ	35.000		A4 đen/đen
11.	Bảng kiểm tra tiền phẫu	Tờ	4.000		A4 đen/đen
12.	Giấy ra viện (màu hồng)	Tờ	300.000		Giấy màu hồng nhạt Khỏ giấy A5, ngang, in 2 mặt, giấy For (120gsm), có in logo của bệnh viện. In theo mẫu của bệnh viện
13.	Giấy cung cấp thông tin và cam kết	Tờ	150.000		Khỏ giấy A4, dọc, in 2 mặt, giấy For (80gsm)

	chung về nhập viện nội trú						
14.	Đơn thuốc	Tờ	30.000			A5, đen/0	
15.	Giấy cam kết (v/v điều trị theo chi phí thỏa thuận)	Tờ	300.000			A4, đen/0	

